



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 24-3555

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TON THAT BANG
Last Middle First

Current Address: 16 LE THANH PHUONG - NHATRANG - VIETNAM

Date of Birth: 6-26-1933 Place of Birth: THUA THIEN - VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) CHUAN UY / 53/200-382
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5-20-1983 To 5-20-1987
Years: 4 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: TON THAT VINH
Name
Gretna, La. 70053
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>TON NU TRIEU</u> <u>MPLS. MN. 55454</u>	<u>Aunt</u>
<u>TON NU TAN</u> <u>HARVEY, LA. 70058</u>	<u>Aunt</u>
<u>TON THAT HOE</u> <u>Pensacola, Florida</u>	<u>Uncle</u>
<u>TON NU HIEP</u> <u>Lakewood, FL 33460</u>	<u>Aunt</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TON THAT BANG
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI KHUONG	3-4-48	WIFE
TON THAT KHUONG HIEN	6-6-74	Son
TON THAT KHUONG DAT	1-7-77	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : TON THAT BANG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : June 26 1933
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh):
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 16 LE THANH PHUONG
 (Dia chi tai Viet-Nam) NHATRANG - VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 5-20-1983 To (Den): 5-20-1987

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại giam thuộc tỉnh Phan Khương
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Chuyên viên

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): không có

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Chuyên viên / 531200-352

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chuyên viên
 Date (nam): FR. 5/20/1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co):
 IV Number (So ho so): 243555
 No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 16 LÊ THÀNH PHƯƠNG
NHATRANG - VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
TON THAT VINH

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):
Gretna, La. 70053

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Con trai

NAME & SIGNATURE: VINH THAT TON

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Gretna, La. 70053

DATE: 6 2 1987
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 24-5555

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TON THAT BANG
Last Middle First

Current Address: 16 LE THANH PHUONG - NHATRANG - VIETNAM

Date of Birth: 6-26-1933 Place of Birth: THUA THIEN - VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) CHUAN UY / 53/200-382
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5-20-1983 To 5-20-1987
Years: 4 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: TON THAT VINH
Name
Gretna, La. 70053
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>TON NU TRIEU</u> <u>MPLS. MN. 55454</u>	<u>Aunt</u>
<u>TON NU TAN</u> <u>HARVEY, LA. 70058</u>	<u>Aunt</u>
<u>TON THAT HOE</u> <u>Pensacola, Florida</u>	<u>Uncle</u>
<u>TON NU HIEP</u> <u>Lakewood, FL 33460</u>	<u>Aunt</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TON THAT BANG
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI KHUONG	3-4-48	WIFE
TON THAT KHUONG HIEN	6-6-74	Son
TON THAT KHUONG DAT	1-7-77	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TỬ C

NAME (Ten Tu-nhan) : TON THAT BANG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : June 26 1953
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh):
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 16 LE THANH PHUONG
 (Dia chi tai Viet-Nam) NHATRANG - VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) No (Khong)
 If Yes (Neu co): From (Tu): 5-20-1953 To (Den): 5-20-1987

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại giam thuộc tỉnh Phan Khương
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Chuyên viên

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): không có

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Chuyên viên / 531200-352

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chuyên viên
 Date (nam): FR. 53 Tu 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co):
 IV Number (So ho so): 243555
 No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 16 LÊ THÀNH PHƯƠNG
NHATRANG - VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
TON THAT VINH
Gretna, La. 70053

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Con trai

NAME & SIGNATURE: VINH THAT TON [Signature]

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Gretna, La. 70053

DATE: 6 2 1987
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TON THAT BANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LÊ THỊ KHUÔNG	3-4-1948	Vợ
TÔN THẮT KHUÔNG HIỀN	6-6-1974	Con trai
TÔN THẮT KHUÔNG ĐẠT	9-7-1977	Con trai

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

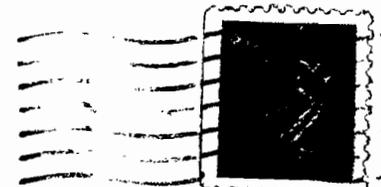


TO: VINH TON

GRETNA - LA. 70053

Vinh T. Ton
Gretna, LA 70053

COMPUTERIZED



TO: FAMILIES OF VIETNAMESE 'POLITICAL
PRISONERS ASSOC.

P.O. Box 5435
ARLINGTON, VA. 22205 - 0635

ATTN. HỒ SƠ BỒ TÚC